

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2014/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 22 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế phối hợp giải quyết việc đăng ký kết hôn,
nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và cấp phiếu lý lịch tư pháp
theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17/6/2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký, quản lý hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 78/TTr-STP ngày 28/11/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giải quyết việc đăng ký kết hôn, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và cấp phiếu lý lịch tư pháp theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 01 năm 2015.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 945/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt Quy chế phối hợp giải quyết việc đăng ký kết hôn, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và cấp phiếu lý lịch tư pháp theo cơ chế một cửa liên thông.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc các sở: Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Y tế; Giám đốc Công an Tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Về việc phối hợp giải quyết việc đăng ký kết hôn, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và cấp phiếu lý lịch tư pháp theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Phú Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức và nội dung phối hợp liên ngành giữa Sở Tư pháp, Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Công an Tỉnh, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc giải quyết việc đăng ký kết hôn, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và cấp phiếu lý lịch tư pháp theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn Tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đăng ký kết hôn, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và cấp phiếu lý lịch tư pháp.
2. Không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn của các cơ quan liên quan.
3. Chủ động, thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời.

Điều 3. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo đề nghị của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Tổ chức họp liên ngành.
3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết.
4. Các hình thức khác.

Chương II PHỐI HỢP TRONG GIẢI QUYẾT VIỆC ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

Điều 4. Sở Tư pháp

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm:

- Phòng vấn trực tiếp tại trụ sở Sở Tư pháp đối với hai bên nam, nữ. Trường hợp cần phiên dịch để thực hiện phỏng vấn thì chỉ định người phiên dịch.

- Nghiên cứu, thẩm tra hồ sơ. Trường hợp nghi vấn hoặc có khiếu nại, tố cáo việc kết hôn thông qua môi giới nhằm mục đích kiếm lời, kết hôn giả tạo, lợi dụng việc kết hôn để mua bán người, kết hôn vì mục đích trục lợi khác hoặc xét thấy có vấn đề cần làm rõ về nhân thân của hai bên nam, nữ hoặc giấy tờ trong hồ sơ thì thực hiện xác minh làm rõ.

2. Nếu xét thấy việc kết hôn liên quan đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, có dấu hiệu xuất, nhập cảnh trái phép, buôn bán người, môi giới kết hôn trái pháp luật, kết hôn giả tạo nhằm mục đích xuất cảnh, trục lợi hoặc có vấn đề khác liên quan đến chức năng của cơ quan Công an, Sở Tư pháp có công văn đề nghị Công an Tỉnh xác minh (kèm theo bản chụp 01 bộ hồ sơ).

Hết thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xác minh mà Công an Tỉnh chưa có văn bản trả lời, Sở Tư pháp vẫn hoàn tất hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định.

3. Sau khi phỏng vấn hai bên nam, nữ, nghiên cứu, thẩm tra hồ sơ, ý kiến của Công an Tỉnh (nếu có), Sở Tư pháp báo cáo kết quả và đề xuất giải quyết việc đăng ký kết hôn trình Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định (kèm theo 01 bộ hồ sơ).

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh ký Giấy chứng nhận kết hôn, Sở Tư pháp thực hiện tổ chức lễ đăng ký kết hôn theo nghi thức quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (sau đây gọi là Nghị định số 24/2013/NĐ-CP).

Điều 5. Công an Tỉnh

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xác minh của Sở Tư pháp, Công an Tỉnh tiến hành xác minh vấn đề được đề nghị và trả lời bằng văn bản cho Sở Tư pháp.

Điều 6. Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Sở Tư pháp cùng hồ sơ, nếu xét thấy hai bên nam, nữ đáp ứng đủ điều kiện kết hôn, không thuộc trường hợp từ chối đăng ký kết hôn quy định tại Điều 12 Nghị định số 24/2013/NĐ-CP, Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh ký Giấy chứng nhận kết hôn và trả lại hồ sơ cho Sở Tư pháp để tổ chức lễ đăng ký kết hôn.

Trường hợp từ chối đăng ký kết hôn, Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh có văn bản nêu rõ lý do gửi Sở Tư pháp để thông báo cho hai bên nam, nữ.

Chương III

PHỐI HỢP TRONG GIẢI QUYẾT VIỆC NUÔI CON NUÔI

Điều 7. Lập biên bản trẻ em bị bỏ rơi và tiếp nhận trẻ em bị bỏ rơi vào cơ sở nuôi dưỡng

1. Người phát hiện trẻ em bị bỏ rơi có trách nhiệm thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) hoặc Công an xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Công an cấp xã) nơi trẻ em bị bỏ rơi để lập Biên bản trẻ em bị bỏ rơi.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em bị bỏ rơi có trách nhiệm tìm người tạm thời nuôi dưỡng trẻ em. Trường hợp không có người nhận tạm thời nuôi dưỡng trẻ em thì Ủy ban nhân dân cấp xã liên hệ với cơ sở nuôi dưỡng trẻ em gần nhất để tiến hành thủ tục tiếp nhận trẻ em bị bỏ rơi theo thủ tục tiếp nhận đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp.

Trường hợp người tạm thời nuôi dưỡng không còn đủ khả năng tiếp tục nuôi dưỡng hoặc không còn nguyện vọng tiếp tục tạm thời nuôi dưỡng hoặc hết thời hạn thông báo tìm cha, mẹ đẻ của trẻ em mà không tìm được cha, mẹ đẻ hoặc không có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em bị bỏ rơi lập hồ sơ đề nghị tiếp nhận trẻ em bị bỏ rơi vào cơ sở nuôi dưỡng.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi lập biên bản có trách nhiệm thông báo trên Đài phát thanh và truyền hình Tỉnh để tìm cha, mẹ đẻ của trẻ em. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo cuối cùng, nếu không tìm thấy cha, mẹ đẻ của trẻ em thì người đang tạm thời nuôi dưỡng hoặc cơ sở nuôi dưỡng có trách nhiệm đi đăng ký khai sinh cho trẻ em theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch.

Đài phát thanh và truyền hình Tỉnh có trách nhiệm thông báo miễn phí 03 lần trong 03 ngày liên tiếp các thông tin về trẻ em bị bỏ rơi.

Điều 8. Lập danh sách và hồ sơ trẻ em cần tìm gia đình thay thế

1. Cơ sở nuôi dưỡng có trách nhiệm lập danh sách và hồ sơ trẻ em đã được tiếp nhận chính thức vào cơ sở nuôi dưỡng (có Quyết định tiếp nhận của Người đứng đầu cơ quan quản lý trực tiếp) thuộc đối tượng cần tìm gia đình thay thế.

2. Danh sách trẻ em cần tìm gia đình thay thế được lập thành Danh sách 1 (trẻ em có sức khỏe bình thường) theo mẫu TP/CN- 2011/DS.01 và Danh sách 2 (trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo, trẻ em từ 5 tuổi trở lên hoặc hai trẻ

em trở lên cùng là anh chị em ruột) theo mẫu TP/CN-2011/DS.02 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.

3. Đối với trẻ em thuộc Danh sách 1, cơ sở nuôi dưỡng lập hồ sơ và danh sách trẻ em, xin ý kiến Sở Lao động-Thương binh và Xã hội trước khi gửi Sở Tư pháp. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được Danh sách, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội có ý kiến trả lời cơ sở nuôi dưỡng. Sau khi có ý kiến của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, cơ sở nuôi dưỡng gửi Danh sách và hồ sơ trẻ em cho Sở Tư pháp để thông báo tìm gia đình thay thế cho trẻ em theo quy định.

4. Đối với trẻ em thuộc Danh sách 2, cơ sở nuôi dưỡng lập Danh sách trẻ em kèm theo hồ sơ của trẻ em, xin ý kiến Sở Lao động-Thương binh và Xã hội trước khi gửi Sở Tư pháp.

Điều 9. Thông báo tìm gia đình thay thế cho trẻ em thuộc Danh sách 1

Việc thông báo tìm gia đình thay thế cho trẻ em trên địa bàn Tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Luật Nuôi con nuôi có thể được thực hiện trên Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Phú Yên hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

Đài phát thanh và truyền hình Tỉnh, Báo Phú Yên có trách nhiệm thông báo, đăng tải miễn phí 03 lần trong 03 ngày, 03 số liên tiếp các thông tin về trẻ em bị bỏ rơi.

Điều 10. Xác minh hồ sơ của trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi nước ngoài

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm đề nghị Công an Tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi nước ngoài. Việc xác minh nguồn gốc của trẻ em bị bỏ rơi thuộc Danh sách 1 có thể thực hiện đồng thời với việc thông báo tìm gia đình thay thế cho trẻ em ngay khi Sở Tư pháp nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của trẻ em.

2. Công an Tỉnh có trách nhiệm xác minh và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. Nội dung trả lời xác minh cần nêu rõ nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi, không xác định được cha, mẹ đẻ. Trường hợp xác định được cha, mẹ đẻ của trẻ em thì nêu rõ họ, tên, nơi cư trú của cha, mẹ đẻ của trẻ em để Sở Tư pháp tiến hành thủ tục lấy ý kiến của những người liên quan về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

Đối với trường hợp xác minh nguồn gốc của trẻ em bị bỏ rơi thuộc Danh sách 2, Công an Tỉnh cần rút ngắn tối đa thời hạn xác minh để tạo điều kiện cho trẻ

em khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo sớm tìm được gia đình thay thế ở nước ngoài và được chữa trị, chăm sóc sức khỏe trong điều kiện y tế hiện đại.

Điều 11. Xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài

1. Đối với trẻ em thuộc Danh sách 1:

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ của trẻ em, Sở Tư pháp tiến hành lấy ý kiến của những người liên quan về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài. Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, thực hiện việc xác minh hồ sơ của trẻ em theo quy định tại Điều 33 của Luật nuôi con nuôi và Điều 10 của Quy chế này.

2. Đối với trẻ em thuộc Danh sách 2:

Khi nhận được hồ sơ trẻ em và Danh sách 2, Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ của trẻ em, tiến hành lấy ý kiến của những người liên quan về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài và có Công văn kèm hồ sơ yêu cầu Công an Tỉnh xác minh đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi.

Điều 12. Giới thiệu trẻ em thuộc Danh sách 1 làm con nuôi người nước ngoài

1. Sở Tư pháp đề xuất Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định hình thức phối hợp liên ngành để tham mưu, tư vấn trong việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi người nước ngoài bảo đảm chặt chẽ, khách quan, phù hợp với nhu cầu và lợi ích tốt nhất của trẻ em. Việc phối hợp liên ngành có thể được thực hiện thông qua hình thức họp liên ngành hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

a) Trường hợp họp liên ngành thì thành phần gồm Giám đốc hoặc Phó giám đốc Sở Tư pháp (Chủ trì cuộc họp), đại diện Lãnh đạo Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, đại diện Lãnh đạo Sở Y tế, đại diện Lãnh đạo Công an Tỉnh, đại diện Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, đại diện Lãnh đạo cơ quan quản lý trực tiếp cơ sở nuôi dưỡng, đại diện Ban Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng có trẻ em được giới thiệu làm con nuôi nước ngoài. Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp có thể mời chuyên gia y tế, tâm lý, gia đình, xã hội tham gia ý kiến để liên ngành xem xét tư vấn việc giới thiệu trẻ em thuộc Danh sách 1 làm con nuôi người nước ngoài.

Sở Tư pháp có trách nhiệm gửi cho các đại biểu tham gia họp liên ngành ít nhất 03 ngày trước ngày họp phương án giới thiệu trẻ em kèm theo phụ lục tóm tắt hồ sơ của trẻ em và hồ sơ của người nhận con nuôi.

Tại cuộc họp, các đại biểu thảo luận về các phương án giới thiệu trẻ em cho người nhận con nuôi. Căn cứ vào kết luận của cuộc họp liên ngành, Sở Tư pháp có

trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh về kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi người nước ngoài.

b) Trường hợp trao đổi ý kiến bằng văn bản thì Sở Tư pháp gửi công văn kèm theo phụ lục tóm tắt hồ sơ của trẻ em và hồ sơ của người nhận con nuôi cho các cơ quan, ban ngành nêu tại điểm a khoản 1 của Điều này để đề nghị cho ý kiến về các phương án giới thiệu trẻ em cho người nhận con nuôi.

Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, các cơ quan, ban ngành được hỏi ý kiến có văn bản trả lời Sở Tư pháp. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu hoặc giải trình ý kiến của các cơ quan, ban ngành hữu quan và báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi.

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình, Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh cho ý kiến về việc đồng ý hoặc không đồng ý với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài của Sở Tư pháp. Trường hợp không đồng ý, Ủy ban nhân dân Tỉnh thông báo rõ lý do để Sở Tư pháp tiến hành giới thiệu lại.

Điều 13. Quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài và việc tổ chức giao nhận con nuôi

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình, Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

2. Ngay sau khi có quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Sở Tư pháp thông báo cho người nhận con nuôi đến Việt Nam để nhận con nuôi.

Người nhận con nuôi phải có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp; trường hợp vợ chồng xin nhận con nuôi mà một trong hai người vì lý do khách quan không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi thì phải có ủy quyền cho người kia; trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn trên có thể kéo dài, nhưng không quá 90 ngày. Hết thời hạn nêu trên, nếu người nhận con nuôi không đến nhận con nuôi thì Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh hủy quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

3. Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch và tổ chức lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp, với sự có mặt của đại diện Sở Tư pháp, trẻ em được nhận làm con nuôi, cha mẹ nuôi, đại diện cơ sở nuôi dưỡng đối với trẻ em được xin nhận làm con nuôi từ cơ sở nuôi dưỡng hoặc cha mẹ đẻ, người giám hộ của trẻ em đối với trẻ em được xin nhận làm con nuôi từ gia đình.

Việc giao nhận con nuôi phải được lập thành biên bản, có chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên và đại diện Sở Tư pháp.

Điều 14. Quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài, chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài

Căn cứ vào thông báo của Cục Con nuôi về số lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài và chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài chuyển về, Sở Tài chính có trách nhiệm thông báo cho Sở Tư pháp, cơ sở nuôi dưỡng trên địa bàn Tỉnh để thực hiện việc rút dự toán chi tiêu trong phạm vi số kinh phí được điều chuyển và có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị này sử dụng, chấp hành và quyết toán kinh phí theo quy định tại Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 07/9/2012 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ chức con nuôi nước ngoài, chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài.

Chương IV

PHỐI HỢP TRONG GIẢI QUYẾT VIỆC CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Điều 15. Sở Tư pháp

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp hợp lệ, Sở Tư pháp gửi Phiếu xác minh lý lịch tư pháp kèm theo 01 bộ hồ sơ cho Công an Tỉnh nếu xét thấy cần xác minh, tra cứu.

Điều 16. Công an Tỉnh

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phiếu xác minh lý lịch tư pháp của Sở Tư pháp, Công an Tỉnh thực hiện tra cứu thông tin về tình trạng án tích của đương sự và gửi cho Sở Tư pháp kết quả tra cứu; trường hợp phải tra cứu thông tin trong hệ thống hồ sơ, tàng thư của Bộ Công an, Công an tỉnh khác thì thời hạn không quá 09 ngày làm việc.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì tổ chức thực hiện Quy chế này.
2. Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo đề nghị của cơ quan phối hợp.

3. Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hoặc đề xuất nội dung phối hợp liên ngành trong việc giải quyết đăng ký kết hôn, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên địa bàn Tỉnh.

4. Chủ động chuẩn bị nội dung, tổ chức các cuộc họp liên ngành thường kỳ hoặc đột xuất hoặc trao đổi ý kiến liên ngành bằng văn bản để đảm bảo hiệu quả của công tác giải quyết đăng ký kết hôn, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên địa bàn Tỉnh.

5. Chịu trách nhiệm đảm bảo cơ sở vật chất và điều kiện cho các cuộc họp liên ngành do Sở Tư pháp chủ trì.

6. Đôn đốc, theo dõi, đánh giá về công tác phối hợp.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức họp liên ngành để tổng kết, đánh giá kết quả việc thực hiện Quy chế, kinh nghiệm, những vướng mắc, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giải quyết việc đăng ký kết hôn, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên địa bàn Tỉnh.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn Tỉnh thực hiện nghiêm túc việc cấp các giấy tờ về chứng nhận sức khỏe, sự kiện sinh, tử, lập hồ sơ trẻ em bị bỏ rơi đúng theo quy định của pháp luật để tránh tình trạng làm hồ sơ giả trong việc đăng ký kết hôn, nuôi con nuôi, mua bán trẻ em.

2. Tạo điều kiện thuận lợi trong trường hợp có xác minh lai lịch trẻ em bị bỏ rơi hoặc các sự kiện sinh, tử khác tại các cơ sở khám, chữa bệnh theo đề nghị của Công an Tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Sở Tư pháp.

Điều 19. Trách nhiệm của Công an Tỉnh

1. Thực hiện xác minh các nội dung liên quan nêu tại Quy chế này.

2. Giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý hành vi phạm tội trong lĩnh vực đăng ký kết hôn và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, cơ sở nuôi dưỡng và các tổ chức, cá nhân liên quan

Căn cứ vào đề nghị của cơ quan chủ trì, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, cơ sở nuôi dưỡng và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm:

1. Tham gia, thực hiện đầy đủ và bảo đảm chất lượng các nội dung phối hợp.

2. Cử cán bộ tham gia họp liên ngành và tham gia Đoàn công tác liên ngành (nếu có) và tạo điều kiện cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Đôn đốc, theo dõi, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện công tác phối hợp trong lĩnh vực quản lý của mình, gửi cơ quan chủ trì tổng hợp, xây dựng báo cáo chung.

Điều 21. Kinh phí thực hiện

1. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch công tác và nhiệm vụ được giao, khả năng của ngân sách các đơn vị thực hiện việc dự toán ngân sách đảm bảo cho việc thực hiện Quy chế.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm bố trí ngân sách đảm bảo cho việc thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự